

Light

DANY OB

Guố c **hông ệt tinh** n ớ ghịch

Giày DANY m á y t h o á n g như ch ố n g tĩnh điệ n (ESD), đế giày có th i ế t k ế t h o á t giày thoáng khí. Nhữ n g đ ặ c t í n h n à y g i ú p các vấn đề v ề t ư th ế và hoàn hảo cho các v ị t r í l à m v i ệ c.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
ót bên trong	i tái chế lưới
rong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	OB / SRC, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng t	thép 0.235 kg
ẩn hiêu chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012



FUC


LBL


BLK


MUG


MUL

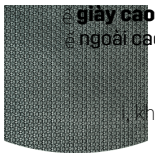

WHT



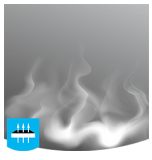
Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ế ngoài bằng cao su Oxytraction bám chắc
trên cả khô và ướt (SRA+ SRB).



X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện.
100 Kilo0hm và 100 MegaOhm.



giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh
hoạt giúp chúng phù hợp với
ứng dụng: khả năng chống cắt
năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính
linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả
năng thích ứng và nhiều l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ cơ thể giúp bạn lâu hơn.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường
xuyên hơn bằng lót giày chỉnh hình
ê riêng mà bạn thích.

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố ạch g, **Làm** s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
r ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày**, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ chúng **cách** hàn **Không** trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn		
Top: khả năng **tái** ch ế ớ		
Top: h nuệ số ơ	? 0.8	3.3 ờ mg/cm/g
Top: h nuệ số ơ	? 15	28 mg/cm2
ót bên trong i **tái** ch ế ớ		
L ớp **lót:** ơ	? 2	43.7 ờ mg/cm/g
lót: h nuệ số ơ	? 20	350 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
ệ m chân Đ ộ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **Philon/cao su**		
Ch ố n g trượt **mài mòn** ế ngoài (	? 150	129 mm
a đế **ngoài SRA** gót chân	? 0.28	0.38 ma sát
a đế **ngoài SRA** Phẳ t g	? 0.32	0.36 ma sát
a đế **ngoài SRB** gót chân	? 0.13	0.17 ma sát
ặc đế **ngoài SRB** phẳn g	? 0.18	0.24 ma sát
ị ch ố **Giá** t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
ị ESD **Giá** t	0.1 - 100	80 megaohm
Hấp thụ **năng** l ượ g củ	? 20	26 J

kích thước thép: 38

a chúng tôi **Không** có **thay** và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không **văn** bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
i **CO2 hát** thả	
V ật l iệu	1.69 kg
Bao bì	0.10 kg
ất Sản x u	1.90 kg
Chuyên ch ở	0.26 kg
	3.95 kg CO2/ cặp

Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	17%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị đ **Các** giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính